

Số : *37* /BB-MNDL

Du Lễ, ngày *30* tháng *12* năm 2024

BIÊN BẢN

V/v Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm 2024

Căn cứ quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực hiện Công văn số 2238 – CV/HU ngày 07/11/2024 của Huyện ủy Kiến Thụỵ về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

Hôm nay, vào hồi 8h00 ngày 30/12/2024, trường Mầm non Du Lễ tổ chức cuộc họp công khai bản kê khai tài sản, thu nhập “ hàng năm “ năm 2024 của cán bộ, viên chức cơ quan.

1. Thành phần

- | | | |
|--------------------------------|----------------------------------|-----------|
| - Đồng chí: Đào Thị Thạnh | - Chức vụ : Hiệu trưởng | - Chủ tọa |
| - Đồng chí: Nguyễn Thị Huệ | - P. Hiệu trưởng | |
| - Đồng chí: Phạm Thị Thuỷ | - P . Hiệu trưởng | |
| - Đồng chí: Phạm Thị Loan | - Giáo viên – Chủ tịch công đoàn | |
| - Đồng chí: Nguyễn Thị Kim Cúc | - Kế toán – Thư ký | |
| - Đồng chí: Tăng Thị lan | - Giáo viên - TTCM mẫu giáo | |
| - Đồng chí: Cao Thị Liệu | - Giáo viên – TTCM Nhà trẻ | |

2. Nội dung cuộc họp

- Đồng chí : Đào Thị Thạnh - Chức vụ : Hiệu trưởng phổ biến, quán triệt một số nội dung về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm 2024 của cán bộ, công chức cơ quan. Theo đó, để đảm bảo yêu cầu, điều kiện và đáp ứng về thời gian công khai, Trường Mầm non Du Lễ quyết định công khai theo hình thức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập từng người tại cuộc họp.

- Tại cuộc họp: Cá nhân các ông(bà) là người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần lượt đọc bản kê khai để mọi người nhận xét, đánh giá thông tin và nội dung bản kê khai, gồm:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ đơn vị công tác hiện nay
1	Đào Thị Thạnh	15/05/1976	Hiệu trưởng trường MN Du Lễ
2	Nguyễn Thị Huệ	03/01/1979	P. Hiệu trưởng trường MN Du Lễ
3	Phạm Thị Thủy	19/09/1981	P. Hiệu trưởng trường MN Du Lễ

Sau khi công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, bổ sung năm 2024 của từng cá nhân nêu trên, tại cuộc họp không có ý kiến đối với nội dung bản kê khai.

Biên bản kết thúc vào hồi 10h30 cùng ngày, đã thống nhất hội Nghị và thống nhất ý kiến.

Biên bản được lập thành 02 bản và có giá trị như nhau(Lưu tại đơn vị 01 bản và gửi về cơ quan có thẩm quyền 01 bản)

Thư ký

Nguyễn Thị Kim Cúc

T/M BCH công đoàn

Chủ tịch

Phạm Thị Loan

Chủ tọa



Đào Thị Thạnh

Số 38 /TB-MNDL

Du Lễ, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm 2024

Căn cứ quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thực hiện Công văn số 2238/UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

Căn cứ Biên bản ngày 30/12/2024 của trường mầm non Du Lễ về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024.

Trường mầm non Du Lễ thông báo niêm yết các biểu công khai bản kê khai tài sản thu nhập năm 2024 cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai

- Niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024

2. Hình thức và thời gian công khai

a. Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Thời gian: Đăng liên tục trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

b. Niêm yết công khai tại bảng công khai của nhà trường liên tục suốt thời gian công khai để cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và cộng đồng thuận tiện xem và biết. Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 15 giờ ngày 30/12/2024 đến 15 giờ ngày 14/1/2025 (15 ngày liên tục).

c. Đối với nội dung công khai bản kê khai tài sản thu nhập năm 2024, ngoài việc công khai trên trang thông tin điện tử, dán niêm yết tại bảng công khai đã được phổ biến công khai trong các cuộc họp của giáo viên, nhân viên trong trường.

3. Thời gian tiếp nhận ý kiến: từ ngày 30/12/2024 đến hết ngày 14/1/2025.

4. Địa chỉ tiếp nhận và trả lời ý kiến:

Việc phản ánh, kiến nghị đối với nội dung các biểu mẫu công khai gửi tới Ban giám hiệu nhà trường để xem xét giải quyết. Sau thời gian nêu trên, trường mầm non Du Lễ tổ chức lập Biên bản kết thúc công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (đề b/c);
- Bảng tin, Website của trường;
- Lưu: VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Thanh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 18 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐÀO THỊ THẠNH**. Năm sinh: 1976

- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Du Lễ

- Nơi thường trú: Thôn Úc Giám – Thuận Thiên - Kiến Thụy- Hải Phòng .

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁰¹: 031176004452
ngày cấp: 27/4/2017 nơi cấp: Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN VIỆT PHẢI**. Năm sinh : 1976

- Nghề nghiệp: Lao động tự do

- Nơi làm việc (4): Hải Phòng

- Nơi thường trú: Thôn Úc Giám- Thuận Thiên - Kiến Thụy- Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031076002987 , ngày cấp: 21/6/2016 nơi cấp: Cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không có

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN THU TRANG** Ngày tháng năm sinh: 2006

- Nơi thường trú: Thôn Úc Giám- Thuận Thiên - Kiến Thụy- Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : 031306003875
ngày cấp: 14/4/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽⁶⁾ :

1.1. Đất ở ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ ⁽⁸⁾: Thôn Úc Giám- Thuận Thiên - Kiến Thụy- Hải phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 300.0 m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 20.000.000 đồng. (Khi đón đoàn giám sát của UBKT Huyện ủy, được sự hướng dẫn của đoàn giám sát, giá trị đất lấy tại thời điểm mua).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾: Trích đo

- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾: **Không**

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có

- Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị:

12/12/24

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng):

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.2. Các loại đất khác (13): **Không có**

1.2.1. Thừa thừa nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thừa nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thừa nhất:

- Địa chỉ: .Đội 3 thôn Úc Giám- Thuận Thiên - Kiến Thụy- Hải Phòng

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 150m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị vì nhà xây từ năm 2007

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- Thông tin khác (nếu có): **Không có**

2.1.2. Nhà thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thừa nhất. **Không có**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không có**

2.2.1. Công trình thừa nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thừa nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không có**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không có**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Gồm 1 cây vàng miếng, 12 chỉ vàng 999 (5 nhẫn, 1 lẵng tay).

Handwritten signature

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾ . **350.000.000 đồng**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không có**

6.1. Cổ phiếu: **Không có**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: **Không có**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾ : **Không có**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾ : **Không có**

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾ :

Không có

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾ : **Không có**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾ . **Không có**

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾ : **Không có**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾ : 459.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: Từ tháng 1/2024 đến tháng 12/2024 là 254.955.000 đồng (bao gồm lương, phụ cấp, lương ngoài giờ, thu nhập tăng thêm)

- Tổng thu nhập của chồng: Tính từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024 là 12 tháng thu nhập 204.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

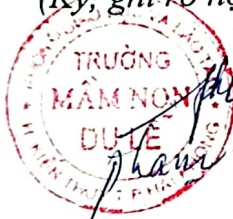
III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾	Nội dung giải
------------------------	--	---------------

D. K. S.

<p>luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾</p>		<p>495.000.000 đồng</p>	<p>Tổng lương của bản thân từ tháng 1/2024 đến tháng 12/2024 là 12 tháng, số tiền là 254.955.000 đồng.</p> <p>-Thu nhập của chồng làm 12 tháng là 204.000.000 đồng</p>
--	--	-------------------------	--

Ngày 25 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Đào Thị Thủy

Du Lễ, ngày 18 tháng 12 năm 2024.
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Đào Thị Thủy

Đào Thị Thủy

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 12 tháng 12 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỆ

- Ngày tháng năm sinh: 03/01/1979

- Chức vụ/chức danh công tác: Chi ủy viên - Phó Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Du Lễ

- Nơi thường trú: Nghi Dương - Ngũ Phúc - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031179008064 ngày cấp 15/04/2021 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG HÒA

- Ngày tháng năm sinh: 23/02/1976

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường trung học cơ sở Ngũ Phúc

- Nơi thường trú: Ngũ Phúc - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031076000090 ngày cấp 09/01/2022 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN

- Ngày tháng năm sinh: 18/10/2008

- Nơi thường trú: Ngũ Phúc - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031308009722 ngày cấp 02/11/2022 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN

- Ngày tháng năm sinh: 24/7/2020

- Nơi thường trú: Ngũ Phúc - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn nghi dương, Ngũ Phúc, Kiến Thụy, Hải Phòng
- Diện tích⁽⁹⁾: 125m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.200.000.000đ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **DD806754**
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: **Không**

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: **Không**

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn nghi dương, Ngũ Phúc, Kiến Thụy, Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 100m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 800.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **DD806754**
- Thông tin khác (nếu có): **Không**

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**2.2.1. Công trình thứ nhất: **Không**

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾ :
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾ : **Không**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị: ⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: ⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: ⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: **Không**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không**

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe máy Số đăng ký :15F1-139.98 Giá trị: 50.000.000

- Chủ sở hữu : Nguyễn Thị Huệ.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

Handwritten signature

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 540.250.000 đ.

- Tổng thu nhập của người kê khai 251.700.000 (Từ tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12)

- Tổng thu nhập của chồng: 288.550.000 đ (Từ tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12)

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0.0 đ

- Tổng các khoản thu nhập chung: 0.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không có		
1.1. Đất ở	biến động		
1.2. Các loại đất khác	Không có		
2. Nhà ở, công trình xây dựng	biến động		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác	Không có		
3. Tài sản khác gắn liền với đất	biến động		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất	Không có		
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	biến động		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không có		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không có		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không có		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng	Không có		

Handwritten signature

trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ùi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .	biến động	+540.250.000 đ Tổng lương vợ chồng	Lương cơ bản và các khoản phụ cấp trong 12 tháng từ tháng 1/2024 đến 12/2024.
---	-----------	------------------------------------	---

Du Lễ, ngày 11 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



HIỆU TRƯỞNG
Đào Thị Thanh

Du Lễ, ngày 12 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Nguyễn Thị Huệ
Nguyễn Thị Huệ

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 12 tháng 12 năm 2024) ⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM THỊ THỦY**, Ngày tháng năm sinh: 19/09/1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Du Lễ
- Nơi thường trú: Thôn 5 (Quán Bơ) - Du Lễ - Kiến Thụy – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân ⁽³⁾: 031181004337 ngày cấp : 25/04/2021, nơi cấp : Cục cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐÀO QUỐC BÌNH**. Năm sinh: 1977
- Nghề nghiệp: công nhân lái xe
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty TNHH thương mại xây dựng Minh Thắng.
- Nơi thường trú: Thôn 5 (Quán Bơ) - Du Lễ - Kiến Thụy – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031077001482 ngày cấp : 12/12/2022, nơi cấp : Cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất.

- Họ và tên: **ĐÀO THỊ NGỌC LINH**. Ngày, tháng, năm sinh: ngày 30 tháng 11 năm 2007.
- Nơi thường trú: Thôn 5 (Quán Bơ)- Du Lễ - Kiến Thụy – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031307015543 ngày cấp : 01/5/2022, nơi cấp : Cục cảnh sát.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất ⁽⁶⁾ :

1.1. Đất ở ⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ ⁽⁸⁾: Thôn 5 (Quán Bơ)- Du Lễ- Kiến Thụy- Hải phòng
- Diện tích⁽⁹⁾: 170 m²
- Giá trị ⁽¹⁰⁾: : “Không xác định được giá trị” vì là đất thừa kế của bố mẹ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾: **BA 921099**
- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾: **Không**

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ: Thôn 5- Du Lễ- Kiến Thụy- Hải Phòng

- Diện tích: 120m²
- Giá trị: “Không xác định được giá trị” vì là đất của bố mẹ tặng cho
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **DC 335068**
- Thông tin khác (nếu có): **Không**

1.2. Các loại đất khác (13): **Không có**

1.2.1. Thừa thừa nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thừa nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thừa nhất:

- Địa chỉ: .Thôn 5 (Quán Bơ)- Du Lễ - Kiến Thụy- Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 200m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1 tỷ 500 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **BA 921099**. Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- Thông tin khác (nếu có): **Không có**

2.1.2. Nhà thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thừa nhất. **Không có**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không có**

2.2.1. Công trình thừa nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thừa nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không có**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không có**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾ . **Không có**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾ . **Không có**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không có**

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾ :

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾ :

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾

: **Không có**

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾ : **Không có**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾ . **Không có**

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾ : **Không có**

- Tên chủ tài khoản: .Không....., số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾ : 217.126.905đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 177.668.905đ (Từ tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12)

- Tổng thu nhập của chồng: 120.000.000 đ (Từ tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12)

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0.0 đ

- Tổng các khoản thu nhập chung: 0.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p>	+120m ²	Không xác định	Đất của bố mẹ tặng cho

8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (32)		217.126.905đ	Lương cơ bản và các khoản phụ cấp khác, thêm giờ, thu nhập tăng thêm.

Ngày 19. tháng 12. năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh

Du Lễ, ngày 12 tháng 12 năm 2024.

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Phạm Thị Thủy